TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HS-ST
Ngày: 23-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Thế Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. *Họ và tên*: Trần Phi L (tên gọi khác: Tý L), sinh năm 1994; HKTT: Tổ 2, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nơi ở hiện tại: Chấp hành án tại Trại giam T thuộc Bộ Công an; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L, sinh năm 1959 (đã chết); con bà Phạm Thị H, sinh năm 1959 (đã chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1994 (đã ly hôn); tiền sự: Không; tiền án: Có 02 tiền án, cụ thể:

- Ngày 11/01/2017, Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HSST của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 (nay là Điều 173) của Bộ luật hình sự; ngày 22/5/2017, chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành án phí hình sự sơ thẩm và biện pháp tư pháp.

- Ngày 26/4/2019, Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp

tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Ngày 15/11/2019, chấp hành xong hình phạt tù, chưa bồi thường thiệt hại.

Nhân thân: Ngày 27/10/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2021/HSST; bị cáo đang bị chấp hành hình phạt từ ngày 25/5/2021 tại Trại giam T theo Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2021/HSST; bị cáo xin vắng mặt tại phiên tòa.

2. *Họ và tên*: Trần Việt T (tên gọi khác: H), sinh năm 1999; HKTT: Tổ 4, ấp P, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước; nơi ở hiện tại: Chấp hành án tại Trại giam T thuộc Bộ Công an; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn E, sinh năm 1964 (đã chết); con bà Tạ Thị Hồng P, sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 27/10/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2021/HSST; bị cáo đang bị chấp hành hình phạt từ ngày 20/6/2020 tại Trại giam T theo Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2021/HSST; bị cáo xin vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Trần Minh T, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông Trần Thanh P, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Phi L, Trần Việt T, Phan Tấn V và Lê Quốc Đ là bạn, do không có nghề nghiệp và để có tiền tiêu xài, L, T, V và Đ đã thống nhất cùng đi trộm cắp xe mô tô của người dân để bán lấy tiền. Thực hiện ý định, L chuẩn bị xe mô tô (không rõ biển số), 01 cây đoản dùng phá khóa; V chuẩn bị xe mô tô (không rõ biển số) sử dụng để trộm cắp tài sản. Trong thời gian khoảng tháng 05/2020, L cùng đồng phạm đã thực hiện trộm cắp 02 vụ trên địa bàn huyện D, tỉnh Bình Dương với tổng trị giá tài sản đã chiếm đoạt là 54.500.000 đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 13/5/2020, T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter 135, màu đen (không rõ biển số) chở Đ; V điều khiển xe mô tô, loại Exciter 150, màu đen nhám (không rõ biển số) chở L, đến khu vực huyện D, tỉnh Bình Dương tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đến trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã L thuộc ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương thì cả nhóm thấy xe mô tô biển số 61H1-415.44 của ông Trần Minh T để trong sân trụ sở Ban chỉ huy quân sự và không ai trông giữ. T, Đ, V đứng ngoài cảnh giới, còn L đi bộ vào dùng cây đoản (chuẩn bị sẵn)

phá khóa xe rồi lấy trộm, rồi cùng nhau tẩu thoát. Sau đó, L đem xe trộm được đến khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia bán cho một người nam (không rõ lai lịch) với giá 13.000.000 đồng. Số tiền bán xe được L chia cho T, V và Đ mỗi người 1.000.000 đồng, còn lại thì để sử dụng tiêu xài chung. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông T đã trình báo sự việc với cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Dầu Tiếng số 51/KL-HĐĐG ngày 19/10/2020, kết luận: 01 xe mô tô biển số 61H1-415.44 có trị giá 27.500.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 30/5/2020, T điều khiển xe mô tô loại Exciter 135, màu đen (không rõ biển số) chở Đ; V điều khiển xe mô tô loại Exciter 150, màu đen xám (không rõ biển số) chở L, đến khu vực huyện D, tỉnh Bình Dương tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đến nhà ông Trần Thanh P, sinh năm 1988 ngụ tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương thấy cổng nhà khóa bên trong hiên nhà có xe mô tô biển số 61H1-412.73 đang dựng trên xe có chìa khóa cắm sẵn thì cả nhóm dừng xe. Lúc này, V và Đ đứng ngoài cảnh giới còn T và L đi bộ đến cổng nhà dùng tay nhấc cánh cổng ra rồi đi bộ vào trong khởi động xe cùng nhau tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được xe, L đem xe trộm cắp được đến khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia bán cho một người (không rõ lai lịch) với giá 12.000.000 đồng. Số tiền bán xe được L chia cho T, V và Đ mỗi người 1.000.000 đồng, còn lại thì để sử dụng tiêu xài chung. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông P đã trình báo sự việc với cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Dầu Tiếng số 50/KL-HĐĐG ngày 19/10/2020, kết luận: 01 xe mô tô biển số 61H1-412.73 có trị giá 27.000.000 đồng.

Đối với Phan Tấn V và Lê Quốc Đ, sau khi thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản", V đã chết vào ngày 19/11/2020 và Đ chết vào ngày 13/5/2021. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra không ra Quyết định khởi tố bị can đối với V và Đ.

Đối với vật chứng vụ án gồm 01 xe mô tô (không rõ biển số), loại Exciter 135, màu đen và 01 xe mô tô (không rõ biển số) loại Exciter 150, màu đen xám; 01 cây đoản dùng phá khóa các bị cáo sử dụng là công cụ để trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, do không có đủ cơ sở để xác minh làm rõ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng không thu giữ và đề cập xử lý.

Đối với xe mô tô biển số 61H1 - 415.44 của ông Trần Minh T và xe mô tô biển số 61H1 - 412.73 của ông Trần Thanh P bị chiếm đoạt. Quá trình điều tra do bị cáo Trần Phi L đã bán nên không thu hồi được.

Quá trình điều tra, ông Trần Minh T yêu cầu bồi thường số tiền 27.500.000 đồng; ông Trần Thanh P yêu cầu bồi thường số tiền 27.000.000 đồng tương đương với trị giá xe mô tô bị chiếm đoạt. Các bị cáo đồng ý bồi thường nhưng chưa bồi thường cho bị hại.

Tại Cáo trạng số 76/CTr-VKS-HS ngày 04/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo:

- Trần Phi L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Trần Việt T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố như Cáo trạng đối với các bị cáo và đề nghị:

- *Về hình phạt*:

+ Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Phi L từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Việt T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Buộc bị cáo Trần Phi L và Trần Việt T liên đới bồi thường cho ông Trần Minh T số tiền 27.500.000 đồng; ông Trần Thanh P số tiền 27.000.000 đồng tương đương với trị giá xe mô tô bị chiếm đoạt.

- Theo hồ sơ vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, hai bị cáo L và T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

- Theo hồ sơ vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt hai bị hại T và P thống nhất toàn bộ nội dung vụ án như Cáo trạng đã truy tố, có ý kiến yêu cầu Tòa án xét xử về hình phạt theo quy định của pháp luật và về trách nhiệm dân sự thì yêu cầu hai bị cáo L và T bồi thường trị giá tài sản bị chiếm đoạt theo kết quả định giá, cụ thể bồi thường cho ông Trần Minh T số tiền 27.500.000 đồng và ông Trần Thanh P số tiền 27.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Dầu Tiếng và Điều tra viên, Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập

chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Theo hồ sơ vụ án và tại đơn xét xử vắng mặt ngày 09/11/2022, hai bị cáo L và T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Vào các ngày 13/5/2020 và ngày 30/5/2020, tại địa bàn xã L và xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương hai bị cáo L và T cùng các đối tượng Phan Tấn V và Lê Quốc Đ đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 61H1-415.44 có trị giá 27.500.000 đồng của ông Trần Minh T và 01 xe mô tô biển số 61H1-412.73 có trị giá 27.000.000 đồng của ông Trần Thanh P. Tổng giá trị tài sản hai bị cáo L và T chiếm đoạt là 54.500.000 đồng. Lời khai nhận của hai bị cáo L và T tại hồ sơ là phù hợp với lời khai của bị hại T và P cũng như các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Cáo trạng số 76/CT-VKS-HS ngày 04/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố đối với hai bị cáo L và T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi lén lút vào nhà của người dân lấy trộm tài sản của hai bị cáo L và T đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản.

[4] Xét hành vi, động cơ, mục đích, mức độ phạm tội "Trộm cắp tài sản" của hai bị cáo L và T thì vụ án có tính đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, không có tổ chức chặt chẽ cho từng thành viên. Để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo thì cần phải xem xét vai trò cụ thể của mỗi bị cáo khi thực hiện tội phạm:

[4.1] *Đối với bị cáo L*: Bị cáo L là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực hành vi, có đủ nhận thức để biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng là kẻ lười lao động, vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có được tài sản mà không cần bỏ sức lao động nên cố ý lấy trộm tài sản của người khác. Bị cáo L trực tiếp thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 54.500.000 đồng theo 02 Bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐG và số 51/KL-HĐĐG cùng ngày 19/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Dầu Tiếng. Ngoài ra, bị cáo L hiện có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại Điều 53 của Bộ luật Hình sự. Do đó, bị cáo L bị truy tố và đưa ra xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định.

[4.2] Đối với bị cáo T: Bị cáo T là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực hành vi, có đủ nhận thức để biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng là kẻ lười lao động, vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có được tài sản mà không cần bỏ sức lao động nên cố ý lấy trộm tài sản của người

khác. Bị cáo T giúp sức cho bị cáo L thực hiện 01 vụ lấy trộm tài sản và trực tiếp cùng bị cáo L thực hiện 01 vụ lấy trộm tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 54.500.000 đồng theo 02 Bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐG và số 51/KL-HĐĐG cùng ngày 19/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Dâu Tiếng. Do đó, bị cáo T bị truy tố và đưa ra xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định.

[5] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm phạm quyền sở hữu trên địa bàn huyện Dầu Tiếng nói riêng và cả nước nói chung nên cần phải xử lý thật nghiêm bằng hình phạt tù để các bị cáo có điều kiện được giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt sau này cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Bị cáo L tham gia tích cực hơn bị cáo T nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với mức độ nghiêm khắc hơn bị cáo T theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo như sau: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Hai bị cáo L và T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Hai bị cáo L và T hiện đang chấp hành án tù giam theo Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2021/HSST của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương cụ thể: Bị cáo L chấp hành mức án 04 năm tù và thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 25/5/2021; bị cáo T chấp hành mức án 03 năm 06 tháng tù và thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 20/6/2020. Do đó, hai bị cáo L và T bị tổng hợp hình phạt của hai bản án theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[9] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố cũng như mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với hai bị cáo L và T là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Ý kiến thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt của hai bị cáo L và T cũng như ý kiến của hai bị hại Tân và Phương là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[11] *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Dầu Tiếng đã xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt, hai bị hại có yêu cầu bồi thường và hai bị cáo thống nhất sẽ bồi thường theo số tiền mà ông T và ông P yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận, cụ thể: Bồi thường cho ông Trần Minh T số tiền 27.500.000 đồng và ông Trần Thanh P số tiền 27.000.000 đồng.

[11] Bị cáo L và bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Phi L (tên gọi khác: T) và Trần Việt T (tên gọi khác: H) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. *Về hình phạt*:

1.1. Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Phi L (tên gọi khác: T) mức án 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2021/HSST của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 07 (bảy) năm tù. Thời gian tính chấp hành hình phạt từ là ngày 25/5/2021 (ngày giam theo Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2021/HSST).

1.2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Việt T (tên gọi khác: H) mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2021/HSST của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 06 (sáu) năm tù. Thời gian tính chấp hành hình phạt từ là ngày 20/6/2020 (ngày giam theo Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2021/HSST).

2. *Trách nhiệm dân sự*:

2.1. Buộc hai bị cáo Trần Phi L và Trần Việt T liên đới bồi thường cho ông Trần Minh T trị giá xe mô tô bị chiếm đoạt với số tiền 27.500.000 đồng (*hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

2.2. Buộc hai bị cáo Trần Phi L và Trần Việt T liên đới bồi thường cho ông Trần Thanh P trị giá xe mô tô bị chiếm đoạt với số tiền 27.000.000 đồng (*hai mươi bảy triệu đồng*).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trần Minh T và ông Trần Thanh P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu hai bị cáo L và T không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng hai bị cáo L và T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. *Về án phí*:

- Án phí hình sự sơ thẩm:

+ Buộc bị cáo Trần Phi L phải nộp số tiền 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

+ Buộc bị cáo Trần Việt T phải nộp số tiền 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc hai bị cáo Trần Phi L và bị cáo Trần Việt T phải nộp số tiền 2.725.000 đồng (*hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

4. *Về quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án*:

- Bị cáo, bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

- Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 - CA tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT - CA H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng